

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 745/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 22/11/2019

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án: Bà Trà Thị Thúy Diễm - thư ký Tòa án nhân dân Quận 10
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, về “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Phạm Ngọc H– sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ : 153 đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc : 350/A2 đường T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Mai Thị T– sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ cuối cùng trước khi mất tích : 153 đường H, Phường A, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Ngọc H trình bày:

Ông Phạm Ngọc H và bà Mai Thị T sống chung từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 Quyền số 01/2003 ngày 04/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ông H, bà T có một người con chung tên Phạm Thùy D (nữ) – sinh ngày 24/8/2003.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng từ năm 2011 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Ông H đã cố gắng để hàn gắn, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và tới năm 2012 thì bà T đã bỏ nhà đi biệt tích. Ông H đã tìm cách để liên lạc với bà T nhưng không được. Vì thế ông H đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích. Ngày 26/02/2019, Tòa án nhân dân Quận 10 đã ra Quyết định số 38/2019/QĐST-DS tuyên bố bà Mai Thị T là người mất tích.

Do thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn và hiện nay bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên tôi xin được ly hôn với bà T.

Trường hợp ly hôn:

- Về con chung: Ông H nhận nuôi người con chung là Phạm Thùy D và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H, bà T không có tài sản chung.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông H xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

* Trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ bị đơn là bà Mai Thị T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn cho ông H được ly hôn với bà T; giao người con chung tên Phạm Thùy D (nữ) – sinh ngày 24/8/2003 cho bà ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông H, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho bà Mai Thị T nhưng bà T vắng mặt. Xét thấy việc bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Mai Thị T theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Ngọc H và bà Mai Thị T chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo ông H thì nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình và cách sống không hòa hợp. Thời gian đã lâu đến nay không còn tình cảm, không thể hàn gắn và bà T đã mất tích nên ông H yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T. Xét thấy, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho ông H, mục đích hôn nhân không đạt được, và bà T hiện nay đã mất tích theo Quyết định số 38/2019/QĐST-DS ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Phạm Ngọc H được ly hôn với bà Mai Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Ông H có yêu cầu được nuôi người con chung là Phạm Thùy D (nữ) – sinh ngày 24/8/2003. Xét thấy, hiện nay bà T đã mất tích và theo nguyện vọng của cháu D được tiếp tục ở với ông H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Dương cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H khai ông và bà T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông H xác định ông và bà T không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không xét.

[3] Về án phí: Ông Phạm Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc H được ly hôn với bà Mai Thị T.

- Về con chung:

Giao người con chung tên Phạm Thùy D (nữ) – sinh ngày 24/8/2003 cho ông Phạm Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Mai Thị T vì ông H không có yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Phạm Ngọc H xác định vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số: AA/2018/0017325 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 , Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Phạm Ngọc H, bà Mai Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP -VKSNDTP;
- VSKND Quận 10;
- Chi cục THA Dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Anh

